

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2- HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **01/2026/HNGĐ-ST**

Ngày 05-01-2026

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2- HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Thúy;

Các hội thẩm nhân dân: Bà Lại Thị Diễm;

Bà Lê Thanh Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thu Hà- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2- Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2- Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Phạm Hà Thanh- Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2- Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 721/2025/TLST-HNGĐ ngày 02/12/2025 về việc *Tranh chấp ly hôn* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 477/2025/QĐXX-ST ngày 18/12/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Trung D, sinh năm 1958; ĐKNKTT và cư trú: Số X, phường T, thành phố H.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1977; ĐKNKTT: Số 11 ngõ 335/2 X phường H, thành phố H. Hiện đang thi hành án tại Đội 16, phân trại số 1, Trại giam T, huyện N, tỉnh T (nay là xã N, tỉnh T).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/8/2025, bản tự khai ngày 09/12/2025 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông Phạm Trung D trình bày:

Về tình cảm: Ông và bà Nguyễn Thị L kết hôn có đăng ký kết hôn ngày 11/7/2012 tại UBND phường H, quận , thành phố H (nay là phường T, thành phố H). Quá trình chung sống ông bà có nhiều mâu thuẫn từ quan điểm, cách sống không phù hợp. Đến năm 2015 bà L đi chấp hành án tại Trại giam Thanh Phong, thời hạn là 17 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Nay ông thấy không thể giữ quan hệ hôn nhân với bà L nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà L.

Về con chung: Ông bà có 01 con chung là cháu Phạm Trung Anh, sinh ngày 20/02/2012. Ly hôn ông D có nguyện vọng được nuôi cháu Trung Anh và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nhà ở, nợ chung: Ông bà không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 12/12/2025, bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:
Bà và ông Phạm Trung D kết hôn có đăng ký kết hôn ngày 11/7/2012 tại UBND phường X. Sau khi kết hôn ông bà chung sống đến ngày 19/6/2015 thì bà L bị bắt và đi chấp hành án cho đến nay. Thời gian bà đi chấp hành án, tình cảm giữa bà và ông D không còn nữa. Ông D có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, bà L đồng ý, đề nghị Tòa án giải quyết cho bà và ông D được ly hôn.

Về con chung: Ông bà có 01 con chung là cháu Phạm Trung Anh, sinh ngày 20/02/2012. Từ khi bà L đi chấp hành án, cháu Anh do ông D trực tiếp nuôi dưỡng. Bà L đồng ý với nguyện vọng, yêu cầu của ông D về việc sau khi ly hôn giao cháu Trung Anh cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng, bà L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nhà ở, nợ chung: Ông bà không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn ông Phạm Trung D trình bày: Ông vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn bà Nguyễn Thị L. Về con chung: Ông bà có 01 con chung là cháu Phạm Trung Anh, sinh ngày 20/02/2012, ly hôn ông D có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nhà ở, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị L đang chấp hành án tại Trại giam Thanh Phong nên bà có đơn xin vắng mặt tại các buổi làm việc của Tòa án và tại phiên tòa xét xử.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2- Hà Nội phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa: HĐXX đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật TTDS về phiên tòa sơ thẩm. Các quy định về phiên tòa, thủ tục bắt đầu phiên tòa, tranh tụng đều được HĐXX thực hiện theo đúng quy định tại Chương 14 BLTTDS.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70,71,72,234 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt có lý do chính đáng, đã có lời khai và đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án theo đúng quy định.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX xem xét công nhận sự thuận tình ly hôn của ông Phạm Trung D và bà Nguyễn Thị L. Về con chung: Giao con chung là cháu Phạm Trung Anh cho ông D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bà L đến khi ông D có yêu cầu hoặc khi có quyết định thay đổi khác. Tài sản chung, nhà ở, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Ông D thuộc trường hợp được miễn không phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Ông Phạm Trung D và bà Nguyễn Thị L kết hôn có đăng ký kết hôn ngày 11/7/2012 tại UBND phường Hạ Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội (nay là phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội), do vậy là hôn nhân hợp pháp. Bà L trước khi đi chấp hành án có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 11 ngõ 335/2 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân, thành phố Hà Nội. Ngày 25/11/2025 ông D gửi đơn xin ly hôn bà L, yêu cầu của ông D thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2- Hà Nội theo quy định tại Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025.

Bị đơn bà Nguyễn Thị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà L là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] *Về nội dung:* Căn cứ lời khai của các đương sự cho thấy: Sau khi kết hôn ông bà chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, sau đó bà L đi chấp hành án phạt tù. Ông bà đã không sống cùng nhau từ năm 2015, không cùng nhau xây dựng cuộc sống chung, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên mục đích hôn nhân không đạt được. Ông D xin ly hôn, bà L đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn của ông bà. Xét việc ông bà thuận tình ly hôn là tự nguyện, phù hợp pháp luật nên chấp nhận yêu cầu của ông bà, cho ông bà được thuận tình ly hôn theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và Gia đình.

Về con chung: Ông bà có 01 con chung là cháu Phạm Trung Anh, sinh ngày 20/02/2012. Ly hôn ông D có nguyện vọng được nuôi cháu Trung Anh và không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con. Xét cháu Trung Anh hiện đang ở cùng với ông D, bà L đang đi chấp hành án không có điều kiện nuôi con nên giao cháu Phạm Trung Anh cho ông D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông D không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bà L đến khi ông D có yêu cầu hoặc khi có quyết định thay đổi khác.

Về tài sản chung, nhà ở, nợ chung: Ông bà không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Ông Phạm Trung D thuộc trường hợp được miễn không phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Điều 55; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân Gia đình;

- Khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025;

- Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử: 1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Phạm Trung D và bà Nguyễn Thị L.

2. Về con chung: Ông bà có 01 con chung là cháu Phạm Trung A, sinh ngày 20/02/2012. Giao con chung là cháu Phạm Trung A cho ông Phạm Trung D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bà Nguyễn Thị L đến khi ông Phạm Trung D có yêu cầu hoặc khi có quyết định thay đổi khác.

Bà Nguyễn Thị L có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung, nhà ở, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Ông Phạm Trung D thuộc trường hợp được miễn không phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Ông Phạm Trung D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được thông đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố HN;
- VKS khu vực 2 Hà Nội;
- Phòng THADS khu vực 2 Hà Nội;
- UBND phường
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phương Thúy

